

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 141/2023/HS-ST

Ngày: 19/7/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trương Minh Thọ

+ Bà Bùi Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với:

- Bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn H, sinh năm: 1969, tại Quảng Ngãi; Nơi ĐKKTT: Số 5/2 đường MTS, Phường E, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 5/2 đường MTS, Phường E, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lái xe; Học vấn: 1/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn K (đã chết); Con bà Đặng Thị Đ, sinh năm: 1936; Vợ: Lê Thị Thu Vân, sinh năm: 1973. Có 02 người con sinh năm 2000 và 2005.

Tiền án: Bản án số 105/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Nguyễn Tấn H 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Tiền sự: không;

Nhân thân: Bản án số 150/HSST ngày 14/02/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt Nguyễn Tấn H 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải*”.

Bị cáo tại ngoại tại: Số 5/2 đường MTS, Phường E, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Ông Lê Đình Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 202/2/11 đường PDP, Phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Mai Văn D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 162 đường THT, Phường c, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 65 Quốc lộ 20, Phường K, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn H và ông Lê Đình Th là bạn bè quen biết ngoài xã hội. H thường mượn xe mô tô hiệu Dream màu nâu biển số 49S3 – 4747 của ông Th để sử dụng làm phương tiện đi lại. Vào sáng ngày 03/8/2021, H tiếp tục hỏi mượn xe mô tô trên của ông Th để đi công việc và hẹn đến chiều sẽ trả lại thì ông Th đồng ý giao xe mô tô cho H mượn. Sau khi sử dụng xe đến tối cùng ngày, H thấy ông Th không đòi lại xe nên H vẫn giữ lại xe trên để sử dụng. Khoảng 01 tuần sau, do không có tiền tiêu xài, H điều khiển xe mô tô này đến nhà của anh Mai Văn D tại số 162 Tô Hiến Thành, Phường 3, Đà Lạt hỏi vay anh D số tiền 2.500.000 đồng và nói anh D xe mô tô biển số 49S3 – 4747 là xe của con H, H sẽ thế chấp cho anh D để mượn tiền, thì anh D đồng ý giao cho H số tiền 2.500.000 đồng và nhận xe mô tô 49S3 – 4747 từ H. Cùng thời điểm này, do không thấy H trả lại xe nên ông Th nhiều lần gọi điện thoại cho H để đòi lại xe mô tô thì H nói dối ông Th là mình đang đi làm ở xa chưa về trả xe được. Khoảng 02 tuần sau, H tiếp tục đến nhà anh D để vay số tiền 2.500.000 đồng và vẫn thế chấp xe mô tô biển số 49S3 – 4747 lại cho anh D thì anh D đồng ý cho H vay thêm 2.500.000 đồng. Trong thời gian này, ông Th tiếp tục nhiều lần gọi điện cho H yêu cầu trả lại xe nhưng H vẫn nói dối ông Th là H vẫn đang sử dụng xe đi làm ở xa chưa về, khi nào về Đà Lạt thì H sẽ trả xe. Sau đó H nhiều lần không nghe điện thoại của ông Th nên ông Th không liên lạc được với H. Khoảng 02 tháng sau khi cho H vay tiền, anh D nhiều lần gọi điện cho H để đòi tiền nợ và trả lại xe thì H nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả tiền cho anh D và sau đó H cũng không nghe máy. Do cần tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, anh D đã bán xe mô tô hiệu Dream màu nâu biển số 49S3 – 4747 cho ông Nguyễn Văn Th với giá 5.000.000 đồng. Đến sáng ngày 20/6/2022, trong lúc H đang đi bộ trên đường Phan Đình Phùng, Phường 02, Đà Lạt thì gặp ông Th, khi ông Th hỏi H

về xe mô tô biển số 49S3 – 4747 thì H thừa nhận H đã thế chấp xe mô tô này để vay tiền nên ông Th đã đưa H đến Cơ quan Công an để làm việc. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Tấn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại: Ông Lê Đình Th bị chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Dream màu nâu biển số 49S3 – 4747. Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-ĐG ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận chiếc xe trên có giá trị 10.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã trả lại chiếc xe này cho ông Th, ông Th không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKSĐL-LĐ ngày 21/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố Nguyễn Tấn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H mức hình phạt từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù tại bản án số 105/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng: Buộc Nguyễn Tấn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại là ông Lê Đình Th không có yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị không đề cập để giải quyết. Người liên quan là ông Mai Văn D yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện trả cho anh D số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo đã ăn năn hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên

đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan cùng không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng sự tin tưởng của người khác để mượn tài sản rồi đem đi cầm cố và chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vào sáng ngày 03/8/2021, H mượn của ông Lê Đình Th 01 mô tô hiệu Dream màu nâu biển số 49S3 – 4747 để đi công việc và hẹn đến chiều sẽ trả lại, ông Th đồng ý giao xe mô tô cho H mượn. Sau khi sử dụng xe đến tối cùng ngày, H thấy ông Th không đòi lại xe nên H vẫn giữ lại xe trên để sử dụng. Khoảng 01 tuần sau, do không có tiền tiêu xài, H thế chấp chiếc xe trên cho anh Mai Văn D để vay anh D số tiền 2.500.000 đồng. Cùng thời điểm này, do không thấy H trả lại xe nên ông Th nhiều lần gọi điện thoại cho H để đòi lại xe mô tô thì H nói dối ông Th là mình đang đi làm ở xa chưa về trả xe được. Khoảng 02 tuần sau, H tiếp tục đến nhà anh D để vay thêm số tiền 2.500.000 đồng và vẫn thế chấp xe mô tô biển số 49S3 – 4747 lại cho anh D. Khi ông Th tiếp tục nhiều yêu cầu trả lại xe nhưng H vẫn nói dối ông Th là H vẫn đang sử dụng xe đi làm ở xa chưa về, khi nào về Đà Lạt thì H sẽ trả xe. Sau đó H nhiều lần không nghe điện thoại của ông Th nên ông Th không liên lạc được với H.

Khoảng 02 tháng sau khi cho H vay tiền, anh D nhiều lần gọi điện cho H để đòi tiền nợ và trả lại xe thì H nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả tiền cho anh D và sau đó H cũng không nghe máy. Do cần tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, anh D đã bán xe mô tô hiệu Dream màu nâu biển số 49S3 – 4747 cho ông Nguyễn Văn Th với giá 5.000.000 đồng.

Đến sáng ngày 20/6/2022, ông Th gặp H đang đi bộ trên đường Phan Đình Phùng, Phường 02, Đà Lạt và hỏi H về xe mô tô biển số 49S3 – 4747 thì H thừa nhận H đã thế chấp xe mô tô này để vay tiền nên ông Th đã đưa H đến Cơ quan Công an để làm việc. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Tấn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-ĐG ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận chiếc xe mô tô hiệu Honda Dream màu nâu biển số 49S3 – 4747 có giá trị 10.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã trả lại chiếc xe này cho ông Th, ông Th không yêu cầu gì thêm.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo

Nguyễn Tấn H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội trong thời gian đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo của bản án bị tuyên trước đó nên thuộc trường hợp tái phạm, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Khi quyết định hình phạt có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội và thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Xét cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 03 năm tù tại bản án số 105/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, buộc bị cáo Nguyễn Tấn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại trong vụ án là ông Lê Đình Th đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Anh Mai Văn D yêu cầu Nguyễn Tấn H trả lại toàn bộ số tiền đã cầm cố chiếc xe là 5.000.000 đồng. Bị cáo tự nguyện nhận trách nhiệm trả cho anh D số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo phải trả cho anh D số tiền 5.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Th là người mua lại xe mô tô biển số 49S3 – 4747 từ anh Mai Văn D. Sau sự việc, anh D đã trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho ông Thành, ông Thành không có yêu cầu gì.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù tại bản án số 105/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng: Buộc Nguyễn Tấn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H phải trả lại cho anh Mai Văn D số tiền 5.000.000^d (*năm triệu đồng*).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo; đương sự;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Bình